

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 218 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 29 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển giáo dục mầm non
giai đoạn 2018 -2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 87/TTr-SGDĐT ngày 21/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch số 86/KH-SGDĐT ngày 21/01/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về phát triển giáo dục mầm non thuộc địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018-2025 (đính kèm Kế hoạch số 86/KH-SGDĐT).

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ vào Kế hoạch được phê duyệt chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động có hiệu quả, đạt mục tiêu đề ra. Hàng năm xây dựng kế hoạch cụ thể, sơ kết đánh giá và báo cáo tổng kết khi kết thúc kế hoạch với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh có liên quan và



Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *NG*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP, P. VHXH;
- Lưu: VT, vttkieu.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thanh Bình

Đỗ Thanh Bình

Số: 87/TTr-SGDĐT

Kiên Giang, ngày 21 tháng 01 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành quyết định phê duyệt
Kế hoạch phát triển giáo dục mầm non
giai đoạn 2018 –2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

Căn cứ Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025;

Căn cứ Công văn số 6974/VP-VHXH ngày 11/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, về việc tham mưu triển khai Quyết định 1677/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025;

Sở Giáo dục và Đào tạo trình UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt Kế hoạch phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018 -2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018 -2025 (Kế hoạch kèm theo).

Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt Kế hoạch phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018 -2025 (Tờ trình nay thay thế tờ trình số 45/TTr-SGDĐT ngày 11/01/2019).

Rất mong sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GDMN.



Cao Thanh Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 21 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển giáo dục giáo dục mầm non
giai đoạn 2018 -2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi bổ sung
một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Thủ
tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-
2025;


Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 87/TTr-
SGDDT ngày 21/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch số 86/KH-SGDĐT ngày 21/01/2019 của Sở
Giáo dục và Đào tạo về phát triển giáo dục giáo dục mầm non giai đoạn 2018-
2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đính kèm Kế hoạch).

Điều 2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ vào Kế hoạch được phê duyệt
chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động có
hiệu quả, đạt mục tiêu đề ra. Hàng năm xây dựng kế hoạch cụ thể, sơ kết đánh giá
và báo cáo tổng kết khi kết thúc kế hoạch với UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào
tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo,
Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như điều 3 của QĐ;
- CT các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP;
- Lưu: VT, PVHXXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Số: 86 /KH-SGDĐT

Kiên Giang, ngày 21 tháng 01 năm 2019

KẾ HOẠCH

Phát triển Giáo dục Mầm non thuộc địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018-2025

Căn cứ Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025;

Căn cứ Công văn số 6974/VP-VHXXH ngày 11/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, về việc tham mưu triển khai Quyết định 1677/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025;

Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Kế hoạch phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi là Kế hoạch) gồm các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Đa dạng hóa các phương thức, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục mầm non trong khu vực và quốc tế; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị tốt cho trẻ em vào học lớp một; phát triển giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi.

2. Mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu đến năm 2025

2.1. Giai đoạn 2018 - 2020

2.1.1. Về quy mô, mạng lưới trường, lớp

Mạng lưới trường lớp được củng cố mở rộng, đủ năng lực huy động trẻ em đến trường, phát triển các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập. Phấn đấu đến năm 2020, có ít nhất 15% trẻ em độ tuổi nhà trẻ, 70% trở lên trẻ em độ tuổi mẫu giáo, trong đó hầu hết trẻ mẫu giáo 5 tuổi được đến trường, tỷ lệ huy động trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập chiếm từ 20% trở lên.

2.1.2. Về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ

Phấn đấu đến năm 2020, có ít nhất 98% nhóm, lớp mầm non được học 2 buổi/ngày.

2.1.3. Về đội ngũ giáo viên

Phấn đấu đến năm 2020 có ít nhất 70% giáo viên đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên.

2.1.4. Về cơ sở vật chất trường lớp

Bảo đảm tỷ lệ 01 phòng học/lớp (nhóm); tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 70%; có ít nhất 42% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

2.1.5. Về kiểm định chất lượng giáo dục

Đến năm 2020, có 100% trường mầm non hoàn thành tự đánh giá, trong đó có ít nhất 45% số trường mầm non được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

2.1.6. Về phổ cập giáo dục mầm non

Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi.

2.2. Giai đoạn 2021 - 2025

2.2.1. Về quy mô, mạng lưới trường lớp

Phát triển mạng lưới trường lớp mầm non, bảo đảm đến năm 2025, huy động được ít nhất là 20% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ, 80% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được đến trường. Tỷ lệ huy động trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập chiếm từ 25% trở lên.

2.2.2. Về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ

Phấn đấu đến năm 2025, có 99% nhóm, lớp mầm non được học 2 buổi/ngày; giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống dưới 3%, khống chế tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì; ít nhất 85% trở lên trẻ đạt chuẩn phát triển theo Bộ chuẩn 5 tuổi; phấn đấu triển khai những nơi có đủ điều kiện tổ chức cho trẻ làm quen ngoại ngữ đạt từ 20% trở lên.

2.2.3. Về đội ngũ giáo viên

Phấn đấu đến năm 2025, đủ số lượng giáo viên mầm non theo quy định, 90% giáo viên mầm non đạt trình độ đào tạo từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 85% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên.

2.2.4. Về cơ sở vật chất, trường lớp

Xây dựng, quy hoạch mạng lưới trường lớp theo hướng chuẩn hóa đảm bảo đủ 1 phòng/1 lớp để tổ chức học bán trú và 2 buổi/ngày, có từ 90% trường mầm non, mẫu giáo có phòng chức năng và hàng rào an toàn, có nguồn vệ sinh, nước sạch theo quy định, nâng cấp cải tạo tại các trường để đầu tư xây dựng xã nông thôn mới gắn liền với việc xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016-2020 đảm bảo kế hoạch đề ra; phấn đấu 100% nhóm, lớp có đủ bộ thiết bị theo Danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho bậc học mầm non theo quy định, có ít nhất 50% trở lên trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; có ít nhất 60% số trường mầm non, mẫu giáo được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

2.2.5. Về phổ cập giáo dục mầm non

Duy trì, củng cố kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi thực hiện

Kế hoạch được triển khai trên toàn tỉnh, gồm 13 huyện và 2 thành phố.

2. Đối tượng của Kế hoạch

Lãnh đạo các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, lãnh đạo các sở, ban, ngành, các đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội, các cơ quan thông tin báo chí ở tỉnh, địa phương, các doanh nghiệp, nhà tài trợ, nhân dân có con ở các độ tuổi đến trường từ 0-5 tuổi; công nhân ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhân dân ở khu vực đông dân cư.

3. Thời gian và địa bàn triển khai

3.1. Giai đoạn 2018-2020: triển khai Kế hoạch tại tỉnh các huyện, thành phố.

3.2. Giai đoạn 2021-2025: Sơ tổng kết, đánh giá, điều chỉnh chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, phát huy ưu điểm kết quả của giai đoạn trước nhằm đạt 100% các chỉ tiêu Kế hoạch.

III. NỘI DUNG

- Đánh giá thực trạng về phát triển giáo dục mầm non trong địa bàn toàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch truyền thông tại các huyện, thành phố lồng ghép kiến thức chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kiến thức phòng, chống các bệnh thường gặp và đảm bảo an toàn cho trẻ....phối hợp lồng ghép cùng với chương trình hoạt động và phong trào các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị- xã hội; cơ quan thông tin báo chí.

- Xây dựng và triển khai các tài liệu và thông tin tuyên truyền phù hợp với đối tượng đa dạng hình thức.

- Tổ chức, phối hợp nâng cao năng lực cho đội ngũ, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; các bà mẹ, bảo mẫu...

- Nghiên cứu xây dựng các sáng kiến, mô hình và tổ chức đánh giá; triển khai nhân rộng việc áp dụng những mô hình chất lượng và đã mang lại hiệu quả; huy động nguồn lực; xã hội hóa cho công tác tuyên truyền về thay đổi hành vi về việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ lúc ở nhà và tích cực đưa trẻ đến trường.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP (các phụ lục kèm theo)

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non; triển khai kịp thời chính sách học phí, một số chính sách đối với giáo dục mầm non.

- Rà soát, đánh giá về chế độ làm việc của giáo viên mầm non, định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

2. Huy động nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục mầm non

- Ưu tiên ngân sách chi cho các hoạt động của giáo dục mầm non trong phạm vi ngân sách được giao theo phân cấp.

- Huy động nguồn lực, lồng ghép kinh phí từ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình giảm nghèo bền vững và nguồn lực xã hội hóa để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho giáo dục mầm non nhằm bảo đảm các điều kiện thực hiện đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục mầm non.

- Khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập ở những nơi có điều kiện.

3. Đổi mới công tác quản lý giáo dục mầm non

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong việc phát triển giáo dục mầm non; đưa mục tiêu phát triển giáo dục mầm non vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đổi mới công tác quản lý của các cơ sở giáo dục mầm non; nâng cao năng lực tự chủ, trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục mầm non;

- Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá của các cấp quản lý giáo dục bảo đảm thực chất, hiệu quả, tránh hình thức và giảm tải cho giáo viên mầm non.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý giáo dục mầm non và trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ, bảo đảm tính thống nhất, khách quan, chính xác và kịp thời.

4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về giáo dục mầm non

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cộng đồng, gia đình về vai trò, vị trí của giáo dục mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân và trong phát triển nguồn nhân lực.

5. Đổi mới nội dung, chương trình giáo dục mầm non

- Thực hiện các giải pháp để đảm bảo điều kiện thực hiện chương trình giáo dục mầm non; phát triển các điều kiện và hoạt động của trường mầm non theo các tiêu chí của trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; đặc biệt quan tâm xây dựng môi trường giáo dục, an toàn, lành mạnh, thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm.

- Đổi mới hoạt động chuyên môn trong nhà trường; đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp, hình thức giáo dục mầm non; vận dụng các phương pháp giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn từng địa phương để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; hướng dẫn tài liệu thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện thực tế; hỗ trợ thực hiện chương trình giáo dục mầm non ở vùng đặc biệt khó khăn; tăng cường hỗ trợ chuyên môn cho các nhóm lớp độc lập tự thực; triển khai có hiệu quả việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số; tổ chức cho trẻ em làm quen với ngoại ngữ và tin học ở những nơi có điều kiện; triển khai bộ công cụ và tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên, cha mẹ trẻ về phát hiện sớm, can thiệp sớm đối với trẻ em có nguy cơ chậm phát triển và trẻ em khuyết tật; đẩy mạnh giáo dục hòa nhập đối với trẻ em khuyết tật.

6. Nâng cao chất lượng chăm sóc, sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ mầm non

- Hỗ trợ phòng chống suy dinh dưỡng đối với trẻ mầm non thông qua chế độ chăm sóc dinh dưỡng phù hợp, kết hợp với giáo dục phát triển vận động.

- Lựa chọn, nhân rộng các mô hình phối hợp nhà trường, gia đình, cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

- Huy động sự đóng góp của nhân dân, kết hợp với chính sách hỗ trợ của nhà nước để nâng cao chất lượng bữa ăn bán trú.

- Phổ biến kiến thức và kỹ năng cơ bản về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cho cha mẹ và cộng đồng.

7. Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non

- Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới trường lớp, bảo đảm mỗi huyện, thành phố đều có quy hoạch chi tiết và dành quỹ đất xây dựng cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với tình hình thực tế địa phương, đáp ứng nhu cầu đưa trẻ đến trường.

- Ưu tiên đầu tư kinh phí xây dựng các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các xã, huyện, thị trấn thuộc biên giới, hải đảo; đẩy mạnh các giải pháp phát triển trường lớp đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục con công nhân, người lao động ở khu vực có khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đông dân cư.

- Bảo đảm yêu cầu kiên cố hóa trường lớp và đủ 1 phòng/lớp: Xóa phòng học tạm, nhờ, mượn, Đầu tư xây dựng mới, bổ sung các hạng mục công trình theo quy định; bổ sung đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu cho các nhóm, lớp.

8. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục mầm non

- Đổi mới công tác đào tạo giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; thực hiện đào tạo giáo viên đáp ứng theo tình hình thực tế tại địa phương để cân đối và khắc phục tình trạng thiếu giáo viên.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng; phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non cốt cán; bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên mầm non đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, chuẩn hiệu trưởng, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cán bộ quản lý, giáo viên mầm non. Chú trọng bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, nâng cao năng lực thực tiễn cho giáo viên.

9. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non

- Huy động các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển giáo dục mầm non.

- Thực hiện nghiêm túc các cơ chế, chính sách về xã hội hóa giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, tín dụng, thuế và thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục mầm non phục vụ nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ của công nhân, người lao động ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và của người dân ở những nơi tập trung đông dân cư.

- Khuyến khích các địa phương ban hành các chính sách thu hút các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp tham gia phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập; tạo điều kiện thuận lợi trong chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

10. Tăng cường hợp tác quốc tế và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong giáo dục mầm non

- Đẩy mạnh và tranh thủ các nguồn tài trợ từ các tổ chức trong và ngoài nước để phát triển giáo dục mầm non.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non; tổ chức hội nghị, hội thảo về chăm sóc và phát triển trẻ em.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách nhà nước: Từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo; lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình, dự án (Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các nguồn vốn được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hàng năm theo phân cấp quản lý hiện hành; vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính cho các nhiệm vụ của Kế hoạch thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành về kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính trung hạn của Nhà nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình thực hiện Đề án

- Đề án có 2 giai đoạn:

a) Giai đoạn I (2018 - 2020)

Củng cố, từng bước mở rộng mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non; bảo đảm cơ bản đủ về số lượng đội ngũ giáo viên, số phòng học và cơ sở vật chất tối thiểu đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ; tiếp tục thực hiện chính sách đối với giáo viên và trẻ mầm non.

b) Giai đoạn II (2021 - 2025)

Hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non; bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non thay thế chương trình giáo dục mầm non hiện hành (nếu có).

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành, địa phương hướng dẫn, xây dựng các chương trình, kế hoạch chi tiết, cụ thể để triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với Sở, ngành có liên quan rà soát, nghiên cứu xây dựng, đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành các chính sách đối với giáo dục mầm non phù hợp với Luật Giáo dục sửa đổi.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng chương trình đầu tư phát triển giáo dục mầm non, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì rà soát, đề xuất các cơ chế, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục mầm non phù hợp với chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

- Hướng dẫn, kiểm tra, thường xuyên đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Đề nghị các Sở, ngành, tổ chức có liên quan

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với các Sở, ngành cơ quan liên quan tổng hợp, cân đối vốn đầu tư phát triển giáo dục mầm non trong các chương trình, dự án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Sở Tài chính: Phối hợp với các sở, ngành có liên quan trình cấp có thẩm quyền cân đối nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách trung ương để thực hiện gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, các đề án có liên quan được phê duyệt.

- Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung và trình cơ quan có thẩm quyền các cơ chế, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục mầm non; nghiên cứu đề xuất cơ chế tháo gỡ khó khăn trong việc bố trí đủ giáo viên mầm non theo quy định hiện hành.

- Sở Y tế: Phối hợp xây dựng kế hoạch và thực hiện các chương trình tiêm chủng, phòng bệnh cho trẻ em; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng và hoàn thiện các chương trình dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng lồng ghép trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non, thực hiện việc phổ biến kiến thức, kỹ năng và cung cấp dịch vụ chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chính sách xã hội khác đối với giáo viên và trẻ mầm non; chủ trì xây dựng chương trình đầu tư theo mục tiêu phát triển giáo dục mầm non để triển khai thực hiện trong Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Các ban, ngành, tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh: Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ Tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Khuyến học, các tổ chức, đoàn thể: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện kế hoạch về những nội dung liên quan đến nhà trẻ, mẫu giáo ở khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Phát huy vai trò hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ toàn diện, đặc biệt các trẻ, nhóm trẻ ngoài nhà trường; tiếp tục thực hiện Đề án “Hỗ trợ phát triển nhóm trẻ độc lập tự thực ở khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020”; tham hỗ trợ vận động trẻ em đến cơ sở giáo dục mầm non; phối hợp truyền thông kiến thức chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ đến từng gia đình; nghiên cứu cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển giáo dục mầm non đối với trẻ em người dân tộc thiểu số để bảo đảm các mục tiêu của kế hoạch.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch để chỉ đạo, triển khai thực hiện trên địa bàn.

- Chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch mạng lưới, xây dựng các cơ sở giáo dục mầm non, kế hoạch đào tạo giáo viên, huy động trẻ mầm non đến trường cho từng giai đoạn trên địa bàn, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; rà soát, sắp xếp các điểm trường theo hướng thu gọn đầu mối; đảm bảo thuận lợi cho nhân dân đưa trẻ đến trường và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Chỉ đạo thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ việc triển khai chương trình giáo dục mầm non; có chính sách ưu

đãi nhằm phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn; bảo đảm bố trí ngân sách chi cho giáo dục mầm non theo đúng quy định hiện hành.

- Rà soát và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với giáo viên ở các loại hình cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn theo đúng quy định của nhà nước; bố trí đủ định mức giáo viên mầm non trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập theo quy định.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non công lập xây dựng, hoàn thiện đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa giáo dục mầm non; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về các thủ tục để các nhà đầu tư tham gia phát triển trường, lớp mầm non.

Trên đây là kế hoạch Phát triển Giáo dục Mầm non thuộc địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018-2025 (Kế hoạch này thay thế cho Kế hoạch số 42/KH-SGDĐT ngày 9/01/2019), Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện; quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để kịp thời giải quyết.

Nơi nhận:

- TT.UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các Sở, Ban, Ngành liên quan;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, GDMN.



Cao Thanh Hùng

TỔNG HỢP NHU CẦU ĐỘI NGŨ
GIAI ĐOẠN 2018-2025

TT	TIÊU CHÍ	Đơn vị tính	TH 2018	ƯỚC TH 2025	Ghi chú
I	Mầm non				
	Số trường	Trường	160	163	
	Công lập	Trường	141	141	
	Ngoài công lập	Trường	19	19	
	- Nhà trẻ	Trường	3	3	
	Ngoài công lập	Trường	3	3	
	- Mẫu giáo	Trường	49	49	
	Công lập	Trường	45	45	
	Ngoài công lập	Trường	4	4	
	- Mầm non	Trường	108	108	
	Công lập	Trường	96	96	
	Ngoài công lập	Trường	12	15	
	Số trường được kiểm định chất lượng	Trường	75	105	
	Tỷ lệ trường kiểm định/tổng số trường	%	53,6	65,62	
	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	53	32	85
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia/tổng số trường	%	33,1	28,2	61,3
	Số phòng học	Phòng	1511	1561	50
	Số phòng học kiên cố	Phòng	863	50	913
	Tỷ lệ phòng Kiên cố	%	57,1	1,38	58,48
	Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Nhóm	99	50	149
1	Nhà trẻ				
	Số lớp	Lớp	97	50	147
	- Công lập	Lớp	34	50	84
	- Ngoài công lập	Lớp	63	50	113
	Số trẻ nhà trẻ	Trẻ	2085	1250	3335
	Trẻ em/lớp		22	25	
	Số giáo viên nhà trẻ	GV	167	100	2gv/lớp
	- Công lập	GV	62	x	x
	- Ngoài công lập	GV	105	x	x
	Giáo viên/lớp		1,7	2	2gv/lớp
	- Công lập	GV	1,8	2	2gv/lớp
	- Ngoài công lập	GV	1,7	2	2gv/lớp

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THỐNG KÊ ĐỒ DÙNG - ĐỒ CHƠI - THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU DÙNG CHO GDMN
THEO THÔNG TƯ SỐ 02/2010/TT-BGDĐT NGÀY 12/02/2010
GIAI ĐOẠN 2018-2025

PHỤ LỤC II

TT	Huyện, thành phố	Đồ dùng- Đồ chơi - Thiết bị hiện có (bộ)			Nhu cầu đến năm 2025			Ghi chú
		Tổng số (bộ)	Số bộ (ĐD-ĐC-TB) dành cho lớp 5 tuổi	Số bộ (ĐD-ĐC-TB) dành cho lớp dưới 5 tuổi	Tổng số (bộ)	Số bộ (ĐD-ĐC-TB) dành cho lớp 5 tuổi	Số bộ (ĐD-ĐC-TB) dành cho lớp dưới 5 tuổi	
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9
1	An Biên	76	54	22	80	52	28	
2	An Minh	92	92	0	200	80	120	
3	Châu Thành	101	68	33	135	70	65	
4	Giang Thành	33	22	11	44	25	19	
5	Giồng Riềng	143	123	20	211	143	68	
6	Gò Quao	49	49	0	126	77	49	
7	Hà Tiên	31	20	11	46	21	25	
8	Hòn Đất	102	85	17	177	93	84	
9	Kiên Hải	18	10	8	35	15	20	
10	Kiên Lương	69	54	15	85	52	33	
11	Phủ Quốc	56	43	13	91	42	49	
12	Rạch Giá	186	80	106	198	81	117	
13	Tân Hiệp	106	92	14	114	57	57	
14	U Minh Thượng	53	41	12	45	25	20	
15	Vĩnh Thuận	51	51	0	107	72	35	
	Cộng	1166	884	282	1694	905	789	

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỘ TRÌNH XÂY DỰNG TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA
GIAI ĐOẠN 2018-2025

PHỤ LỤC III

STT	(huyện, thành phố)	Trường	Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia			
			2018-2020	2021-2025 Công nhận mới	Giai đoạn 2018-2025	
			TS	TS	TS	%
1	Rạch Giá	13	8	3	11	84,61
2	Châu Thành	10	5	2	7	70
3	Tân Hiệp	12	1	2	3	25
4	Giồng Riềng	19	3	3	6	31,57
5	Gò Quao	11	8	2	10	90,9
6	Hòn Đất	14	7	3	10	71,42
7	Kiên Lương	7	3	1	4	57,14
8	Giang Thành	5	0	0	0	0
9	Hà Tiên	4	2	2	4	100
10	An Biên	9	4	3	7	77,77
11	An Minh	11	1	3	4	36,36
12	Vĩnh Thuận	8	6	2	8	100
13	U Minh Thượng	8	3	2	5	62,5
14	Phú Quốc	8	2	3	5	62,5
15	Kiên Hải	2	0	1	1	50
	Tổng số	141	53	32	85	61,3